

## NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ, CHỨC NĂNG ẤN “SẮC MỆNH CHI BẢO” (từ độ tụ của sử liệu)

Trần Trọng Dương\*

Hiện vật mang dòng chữ 勅命之寶 “Sắc mệnh chi bảo” (SMCB) khai quật tại hố G18, khu G - Vườn Hồng Hoàng thành Thăng Long (HTTL) ở độ sâu 6,38m dưới mặt nước biển là một hiện vật khảo cổ được giới khoa học và xã hội quan tâm trong khoảng thời gian gần đây. Đã có nhiều ý kiến khác nhau trong việc nghiên cứu và giám định cổ vật này. Mỗi ý kiến đưa ra đều có lập luận riêng và cứ liệu riêng. Bài viết này sẽ thảo luận về vấn đề thao tác luận trong nghiên cứu văn bản học, giám định niên đại, và nghiên cứu lịch sử-văn hóa của hiện vật đang xét, cũng như ấn SMCB nói riêng và loại hình ấn SMCB nói chung. Bài viết đề xuất khái niệm “độ tụ sử liệu” để nhận định về niên đại văn hóa của hiện vật, tức là nghiên cứu hiện vật này từ nhiều nguồn sử liệu khác nhau ở góc độ liên ngành, bao gồm khảo cổ học lịch sử, sử liệu học - sử học, ấn chương học, lịch sử hành chính... Sử liệu ở đây bao gồm sử liệu văn vật (hiện vật khảo cổ) và sử liệu văn hiến (tư liệu chữ viết). Về mặt lý thuyết, khi độ tụ của sử liệu càng cao thì giả thuyết càng thuyết phục; khi độ tụ của cứ liệu phân tán thì sẽ có nhiều giả thuyết khác nhau, và các giả thuyết đều yếu (ở những mức độ khác nhau). Và một giả thuyết được coi là có độ tin cậy cao hơn khi cứ liệu có hệ thống và có mối quan hệ mật thiết với nhau (tính liên văn bản).

### 1. Hiện vật SMCB từ góc độ khảo cổ học lịch sử

Hiện vật SMCB được các nhà khảo cổ học (ví dụ Tổng Trung Tín, Hoàng Văn Khoán) công bố là được tìm thấy tại lớp văn hóa thời Trần với địa tầng ổn định, có những di vật có niên đại Trần đi kèm, được ngăn cách với lớp vô sinh, dưới lớp văn hóa thời Lê sơ.<sup>(1)</sup> Tác giả Lê Văn Lan đi xa hơn với bốn kết luận: “Chiếc ấn này được tạo tác trong thời gian từ ngày 19 tháng Giêng năm 1258 đến ngày 29 tháng Giêng năm 1258. Đó là lần đầu tiên có một hiện vật khảo cổ học thuộc thời Trần được xác định thời gian tạo tác cụ thể từng ngày. Chiếc ấn được tạo tác tại huyện Ngự Thiên, phủ Long Hưng nay thuộc tỉnh Thái Bình. Chủ sở hữu của ấn gỗ là vua Trần Thái Tông. Đã có tác dụng được phát huy ngay khi được tạo tác và để lại bài học cho đến thời vua Trần Anh Tông và vua Trần Minh Tông, tức là 58 năm sau khi

---

\* Viện Nghiên cứu Hán Nôm.



Hình 1: Hiện vật SMCB, D.11,5cm x R.11,5 x C.0,5cm. Nguồn: Viện Khảo cổ.

nó ra đời”.<sup>(2)</sup> Việc đào được hiện vật SMCB trong lớp văn hóa thời Trần cho phép nghĩ đến giả thuyết rằng hiện vật có khả năng thuộc niên đại thời Trần. Song, cũng phải nghĩ đến các khả năng sai số của phương pháp giám định niên đại và lớp văn hóa của khảo cổ học lịch sử.

*Thảo luận thứ nhất:* Lớp văn hóa chỉ là tương đối và chỉ là một kênh tham chiếu. Tính tương đối của lớp văn hóa là điều có thể hiểu được khi một hiện vật nào đó dù xuất hiện trong một lớp văn hóa khảo cổ thì vẫn chưa phải là khả tín tuyệt đối. Ví dụ, viên gạch “Đại Việt quốc quân thành chuyên” đào được ở Hoa Lư. Các tác giả dựa vào vật liệu và phương pháp xây dựng đoán định rằng gạch này thuộc về thời Đinh - Lê.<sup>(3)</sup> Dựa trên cứ liệu này, một số người đưa ra giả thuyết rằng, ĐẠI CỒ VIỆT thực chất chỉ là quốc hiệu ĐẠI VIỆT vốn bị ngoa truyền qua các bộ sử đời sau. Tuy nhiên, việc xác định niên đại các viên gạch này cần phải bàn lại, như phản biện của Tạ Chí Đại Trường<sup>(4)</sup> và Trần Trọng Dương.<sup>(5)</sup> Liệu đó có phải là gạch của đời Lý qua một đợt xây lại nào đó mà sử sách không nhắc đến? Vì sao toàn bộ hệ thống sử liệu thành văn chính thống đều ghi là “Đại Cồ Việt”? Và *Đại Việt sử ký toàn thư* cùng nhiều bộ sử khác đã ghi rõ quốc hiệu Đại Cồ Việt 大瞿越 do vua Đinh Tiên Hoàng đặt năm 968 SCN. Đại Cồ Việt là quốc hiệu đầu tiên, được dùng trong 8 đời vua của 3 triều Đinh, Tiền Lê, Lý, với quãng thời gian dài 86 năm (từ 968 - 1054). Tức là mãi đến năm 1054, vua Lý Thái Tông mới đặt lại quốc hiệu là Đại Việt.<sup>(6)</sup> Dẫn lại ví dụ trên, bài viết muốn nhận định rằng: dù SMCB đào được ở tầng văn hóa đời Trần là một xuất phát điểm để đưa ra các giả thuyết khoa học, chứ chưa thể coi đó là định đề/ kết luận để tìm các cứ liệu chứng minh cho định đề!

*Thảo luận thứ 2:* Bản vẽ cắt lớp mặt bằng di tích đã công bố trong hội thảo khoa học tại Hoàng thành Thăng Long do tác giả Tổng Trung Tín công bố trong buổi



Hình 2: Vị trí phát hiện hiện vật SMCB. Nguồn: HTTL & VKC.

tọa đàm tổ chức ngày 26/2/2016 tại Hoàng thành Thăng Long, chỉ thấy hai lớp văn hóa được thể hiện là lớp văn hóa thời Trần và lớp văn hóa thời Lý. Tại sao một bản vẽ cắt lớp mặt bằng của một hố khảo cổ lại chỉ có hai lớp văn hóa sau cùng? Các lớp văn hóa thời Nguyễn - Lê đã đi đâu? Các tác giả có thể biện luận rằng ở đây đang trình bày về lớp văn hóa Trần và Lý nơi xuất hiện hiện vật SMCB, nhưng việc không công bố toàn bộ các lớp văn hóa khiến cho giá trị khoa học của bản vẽ bị giảm sút, khiến cho người xem cảm thấy không thực sự khả tín, khiến người đọc không biết rằng quy trình khai quật và bóc lớp các tầng văn hóa đã được thực hiện ra sao.<sup>(7)</sup>

*Thảo luận thứ 3:* Thêm nữa, hiện vật lại nằm trong một lớp rãnh/ hố (?) cắt sâu xuống mặt địa tầng, cắt đôi lớp văn hóa thời Lý. Các tác giả cũng cần lý giải rãnh/ hố này là gì? Nếu là rãnh tự nhiên thì dưới đáy của nó vì sao lại không có các hiện vật thời Lý? Nếu là hố nhân tạo được tạo ra vào thời Trần thì hố đó là nhằm mục đích gì? Đó là hố rác? Hay là mương, rãnh? Ấy là chưa kể đến việc bản vẽ không trình bày các lớp văn hóa Lê-Nguyễn (như trên đã thảo luận) khiến người đọc cũng nghĩ đến khả năng hố này liệu có phải đào vào thời Trần hay là đào vào giai đoạn sau đó? Những nghi vấn này nêu ra ở đây với tinh thần cầu thị, để hy vọng rằng nhóm chuyên gia khảo cổ học sẽ công bố một bản vẽ mặt cắt các lớp văn hóa đầy đủ hơn, thuyết phục hơn.

*Thảo luận thứ 4:* Với một hiện vật nằm trong lớp văn hóa nào đó, các nhà khảo cổ cần phải công bố và giám định các hiện vật nằm xung quanh, hoặc toàn bộ các hiện vật của lớp văn hóa đó. Trong buổi tọa đàm khoa học tại Hoàng thành Thăng Long, các nhà khảo cổ học cũng đã đưa ra kết luận giám định rằng: các hiện vật xung quanh SMCB đều thuộc thời Trần, nhưng các tác giả không đưa ra bảng

số liệu thống kê hiện vật (bao nhiêu hiện vật, các loại hình hiện vật, bản đồ vị trí chi tiết của các hiện vật trong lớp văn hóa đó, tương quan giữa SMCB với các hiện vật khác,...) khiến cho kết luận đưa ra chưa thuyết phục người nghe.

Cuối cùng cần nhấn mạnh lại ở đây một lần nữa rằng: khi phát hiện một hiện vật có khả năng thuộc lớp văn hóa thời Trần, thì chúng ta cần thực hiện nghiên cứu và giám định hiện vật SMCB ở cả hai chiều hướng:

(1) Giả thuyết 1 - hướng đồng thuận: để thử tìm hiểu xem liệu hiện vật này có khả năng tồn tại trong lịch sử hay không (cả về mặt lý thuyết lẫn thực tiễn)?

(2) Giả thuyết 2 - hướng phản biện: cần đặt nó trong một hệ thống sử liệu lịch đại rồi từ đó tiến hành nghiên cứu so sánh liên văn bản, liên văn hóa, nghĩa là phải đặt hiện vật SMCB trong bối cảnh thời đại, bối cảnh lịch sử và văn hóa Việt Nam trong tương quan với lịch sử văn hóa khu vực.

Thực ra, cả hai hướng này cần thực hiện đồng thời, song song, độc lập; nhưng cũng phải tham chiếu kết quả và phương pháp với nhau.

## **2. Những vấn đề xung quanh việc giám định hiện vật SMCB**

Trước một hiện vật gỗ khắc rõ ràng bốn chữ triện “勅命之寶”, phần lớn các nhà nghiên cứu đều nghĩ đến giả thuyết cao nhất: rằng đây là một hiện vật ấn. Song, vẫn còn nhiều câu hỏi và giả thuyết được đặt ra trước hiện vật này.

Vì sao, một hiện vật quý (nếu như đó là ấn của triều đình) lại chỉ là ấn gỗ? GS Lê Văn Lan đã đưa ra giả thuyết đây chính là con ấn gỗ được khắc tạm trong thời gian kháng chiến chống quân Nguyên Mông. Điểm này tôi sẽ có phản biện về mặt sử liệu học ở sau.

Vì sao, ấn gỗ lại bị gãy đôi? Vết gãy đôi đó là do gãy ngẫu nhiên hay do sức người tác động?

Nếu là ấn tạm dùng trong lúc việc quân cấp bách, nhưng đến khi hồi kinh tìm lại ấn thật bị mất thì không hủy hoàn toàn (đốt, hóa?) mà lại vứt đi hoặc bỏ vào hố rác? Điển lệ triều đình phong kiến xưa đã có những quy định về việc hủy và sử dụng ấn như thế nào?

Vì sao ấn gỗ lại không có núm? Hoặc nếu có núm sao lại phải dùng vật liệu kết dính? Về mặt kỹ thuật chế tác thì phơi ấn (nếu là ấn không phải dạng trụ, khối) thì ấn đó làm liền khối dễ dàng và tiện lợi hơn là ghép từ hai phơi gỗ tách rời. Việc tách rời hai mảnh như vậy vừa bất lợi về lực vừa bất lợi về độ bền của đồ vật.

Cũng chính vì những câu hỏi này mà các chuyên gia đã đưa ra nhiều giả thuyết khác nhau: (1) có thể đó là một dạng hiện vật vốn chỉ là một mảnh ghép trong một kết cấu gỗ nào đó mà ta chưa biết; (2) cũng có thể đó là dạng tín phù; (3) hay đó là một dạng phơi ấn được dùng để đúc ấn thật. Giả thuyết thứ nhất rất

yếu, bởi nếu là một chi tiết của một kết cấu gỗ thì lý giải làm sao về kiểu khắc chữ ngược? Giả thuyết thứ hai cũng không có nhiều cơ sở, bởi văn hóa tín phù (hồ phù) ở Việt Nam hiện cũng chưa có cơ sở khảo chứng. Song chuyên gia đề xuất giả thuyết thứ hai cũng đã loại trừ giả thuyết này. Thêm nữa, sử dụng SMCB (vốn là đóng trong giấy tờ) để làm tín phù thì cũng khó có khả năng xảy ra. Còn nếu là phôi ấn thì phôi đó phải là chữ khắc theo dạng dương văn, còn ấn ở đây lại khắc âm văn. Tất cả các giả thuyết này đều chỉ là đưa ra biên độ lớn nhất của các khả năng để giới học thuật cùng nhau suy nghĩ và cân nhắc.

Về mặt mỹ thuật - thư pháp, lối triện thư được thể hiện bằng kỹ pháp *nhập bút* và *hồi phong* điển hình để tạo thành các tuyến điều dạng *ngọc trợ* (đũa ngọc), đây là lối thư thể được sử dụng phổ biến vào thời Lê trung hưng và Nguyễn. Song hiện chúng ta chỉ có 2 hiện vật ấn Trần (xem đoạn sau về Nội Mật Viện ấn và Bình Tường thổ châu chi ấn) đều được thể hiện bằng các tuyến điều *cửu trùng*. Nếu tìm được sử liệu quy định dạng thức *cửu trùng* như một phong cách chính thống thì ta có thể có thêm một tiêu chí tương đối chắc chắn để giám định phong cách và niên đại của thư pháp. Qua kinh nghiệm của cá nhân, cùng tham khảo các thư gia hiện tại, và một số chuyên gia về sắc phong, chúng tôi xác định rằng, phong cách thư pháp này thuộc về triều Lê chứ không phải là Nguyễn. Còn để xác định thuộc Lê trung hưng hay Lê sơ, thì cần thêm cứ liệu mới có thể xác quyết được.

Về mặt *đao pháp*, chúng tôi thấy kỹ thuật đao pháp tương đối không ổn định. Phần lưng gờ của *ngọc trợ* lối lõm khác nhau, như khảo tả dưới đây. Phần ngọc trợ của chữ CHI (之) là đều và ổn định nhất, do chữ ít nét và không gian thoáng. Chữ BẢO (寶) có vết dao ăn dọc theo nét sổ của chữ vương (王) bên phải (xem hình 1), và cắt 2 nét ngang phía trên của chữ vương còn lại. Thêm một vết dao ăn lem phần lớn nét bên trái của bộ bối, và một vết lem cắt giữa 4 nét hoành của bộ bối. Các nét ngọc trợ của chữ SẮC (敕) là nhiều dấu vết nghi vấn. Phần bộ THỨC (束) phẳng như bị mài, nên không còn lưng của ngọc trợ, nhưng đôi chỗ vẫn còn rãnh hằn của đao pháp. Bộ bán văn/ phộc (攴) đao pháp đi tẹt nhất, dường như lưỡi đục vũa đã khiến các nét ngọc trợ ấn thành dạng rãnh. Một điểm thô phác khác của chiếc ấn này là xuống lòng/ hạ lòng tương đối cầu thả. Rõ nhất là phần lòng nền của chữ CHI, khoảng trống rộng nhất, dễ xuống lòng nhất thì cũng gồ lên. Điều này tối kỵ trong khắc ấn, vì khi lấy mực đóng ấn chắc chắn phần này sẽ lem son vào giấy! Nhiều chỗ khác cũng không xuống lòng, như: phần giữa 2 nét ngang của chữ CHI, phần giữa chữ CHI và chữ BẢO, phần giữa hai bộ NGỌC của chữ BẢO, phần giữa chữ SẮC và chữ MỆNH, phần giữa bộ NHÂN và bộ NHẤT của chữ MỆNH, phần giữa bộ khẩu của chữ MỆNH,... Quá nhiều lỗi cơ bản của một con ấn! Cuối cùng, phần lỗi nhất của con dấu chính độ dày 0,5cm, quá mỏng, cộng thêm việc xuống lòng hơi sâu. Đây là hai nguyên nhân sẽ khiến cho ấn bị gãy khi phải chịu một lực

nhất định nào đó. Tiêu kết ở đây, chúng tôi cho rằng, đây là một con dấu rất kém chất lượng.

Vấn đề giám định về hiện vật cần phải tiếp tục ở các khâu: xác định chất liệu gỗ, niên đại gỗ, chất liệu keo gắn (nếu có),... Sau khi có kết quả giám định tương đối đáng tin cậy thì các nhà nghiên cứu mới có thể tiếp tục thảo luận.

Như vậy, với hiện vật có khắc chữ SMCB, chúng tôi tạm thời đi đến hai nhận định sau: (1) cần tiếp tục giám định xem hiện vật SMCB có phải một chiếc ấn thực thụ; (2) chưa thể khẳng định hiện vật SMCB có niên đại Trần - tương ứng với lớp khảo cổ được công bố. Tất cả vẫn còn là nghi vấn khoa học, chờ được giải mã.

### 3. Hiện vật SMCB nhìn từ sử liệu văn hiến

Một số nhà khoa học như Lê Văn Lan, Hoàng Văn Khoán..., dựa trên các sử liệu Việt Nam đã có những giả thuyết tương đối mạnh dạn để giải mã hiện vật này. Chúng tôi sẽ dẫn lại các sử liệu ở đây để cùng biện luận về tính chất của những sử liệu cũng như nội dung mà chúng đề cập.

#### 3.1. Sử liệu 1: Khảo về Nội Mật [Viện] ấn và Môn Hạ Sảnh ấn thời Trần

*Đại Việt sử ký toàn thư (ĐVSKTT)* ghi chép về việc khắc ấn gỗ thời Trần vào năm 1257 như sau: “*Khi vua thân hành thống lĩnh sáu quân đi chống giặc, quan giữ ấn vội vàng giấu ấn báu lên rường điện Đại Minh, chỉ đem ấn Nội Mật đi theo. Giữa đường, ấn ấy lại mất. Giấy tờ trong quân không có ấn. Vua sai thợ khắc gỗ làm ấn. Đến khi xa giá về kinh, lại có người đem dâng con ấn bị mất, ấn báu giấu đi vẫn còn nguyên chỗ cũ*”.<sup>(8)</sup>

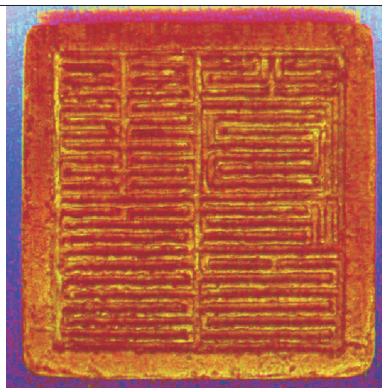
Hai chi tiết khiến một số nhà nghiên cứu nhận định đoạn sử liệu đang nói về ấn SMCB phát hiện ở HTTL đó là: (1) ấn làm bằng gỗ; (2) ấn này được làm vào năm 1257 triều Trần. Suy ra SMCB chính là chiếc ấn mà *ĐVSKTT* đề cập. Tuy nhiên, sử liệu đang nói đến 2 loại ấn khác nhau: (1) **bảo tỳ** truyền quốc được giấu trên thượng lương của điện Đại Minh; và (2) **Nội Mật ấn** đem theo để dùng cho các việc văn thư giấy tờ trong việc quân. Tam đoạn luận mà các nhà khoa học đề xuất, không đơn giản như vậy. Bởi cần xác định “Nội Mật ấn” là ấn gì? Như trình bày dưới đây.

Cần nhận định rằng, ấn Nội Mật đang xét không phải là dạng ấn quan trọng như bảo tỳ. Thứ nữa, đến nay, chúng ta cần xác định rõ ấn Nội Mật là ấn gì? Có chức năng như thế nào? Do cơ quan nào sử dụng? Sử dụng ở những công việc hành chính nào? Đó là ấn có khắc 2 chữ “內密”? Hay là ấn do các viên quan Hành khiển trong Nội Mật Viện giữ? Xét *Lịch triều hiến chương loại chí* phần *Quan chức* chỉ có viết: “[Trần] Thánh Tông niên hiệu Thiệu Long... năm thứ 10 [1267], đặt Hàn Lâm Viện Học Sĩ, Trung Thư Sảnh, Trung Thư Lệnh. Lại đặt Hành Khiển Ty ở hai cung [gồm]:

*Hành Khiển Tả Hữu Ty ở cung Thánh Từ (chỗ Thượng hoàng ở), [và] Hành Khiển Ty ở cung Quan Triều (chỗ Hoàng đế ở), gọi chung là Nội Mật Viện*.<sup>(9)</sup> Như vậy, Nội Mật Viện là cơ quan hành khiển (giúp việc ấn chương, từ hàn, cấm quân...) của các Hoàng đế và Thượng hoàng triều Trần, bao gồm hai bộ phận. Tên gọi Nội Mật Viện tồn tại 57 năm (từ năm 1267) thì đổi thành Môn Hạ Sảnh năm 1325.<sup>(10)</sup> Tiếp sau đó, năm 1344, “đổi Hành Khiển Ty ở Thánh Từ Cung làm Thượng Thư Sảnh, còn Hành Khiển Ty ở Quan Triều Cung vẫn để là Môn Hạ Sảnh như trước”.<sup>(11)</sup> May mắn thay, hiện chúng ta còn một chiếc ấn đời Trần, đó chính là “Môn Hạ Sảnh ấn” (門下省印) bằng đồng (ký hiệu: LSb 25266, Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, Hà Nội) đúc ngày 23 tháng 5 năm Đinh Tỵ niên hiệu Long Khánh 5 (1377),<sup>(12)</sup> C.8,5cm, D.7cm, R: 7cm<sup>(13)</sup> nặng 1,4 kg. Phần niên đại của chữ được ghi ở cấp thứ nhất của lưng ấn, cùng với chữ viết chân hóa của dấu triện (hình 3). Theo Nguyễn Văn Huyền (1976) đây là ấn đồng Việt Nam cổ nhất hiện biết.<sup>(14)</sup> Theo Nguyễn Công Việt đây là chiếc ấn đời Trần duy nhất hiện còn cho biết về cơ cấu chính trị “tam sảnh-lục bộ” của triều đình nhà Trần là phỏng theo chế độ nhà Lý và Đường - Tống.<sup>(15)</sup> Xin lưu ý là “Tam sảnh”, đặc biệt là Nội Mật Viện vào thời Trần có chức năng/ quyền lực cao hơn Lục bộ, có quyền cách chức cả Thượng thư,<sup>(16)</sup> chứ không đơn thuần chỉ là cơ quan Văn phòng chịu trách nhiệm giấy tờ như Nội các thời Lê Nguyễn.



Hình 3: Môn Hạ Sảnh ấn, 1377.  
Nguồn: Cổ vật Việt Nam (2003: 98).



Hình 4: Bảng Tường thổ châu chi ấn, 1360.  
Nguồn: Hà Văn Tấn (2001).

Kết hợp sử liệu chữ viết (văn hiến) với sử liệu hiện vật (văn vật), chúng ta có thể đi đến một số nhận định như sau:

*Nhận định 1:* Môn Hạ Sảnh 門下省 (1325 - 1400) có một con dấu riêng tên là “Môn Hạ Sảnh ấn”. Suy ra:

*Nhận định 2:* Nội Mật Viện 內密院 (tiền thân của Môn Hạ Sảnh) tồn tại từ năm 1267 - 1325 cũng sẽ có một ấn riêng mang tên “Nội Mật Viện ấn” hoặc “Nội Mật ấn” (như ĐVSKTT đã chép).

| Cơ quan             | Thời gian | Tên ấn                  | Hiện vật |
|---------------------|-----------|-------------------------|----------|
| Nội Mật Viện<br>内密院 | 1267-1325 | Nội Mật Viện ấn<br>内密院印 | Đã mất   |
| Môn Hạ Sảnh<br>門下省  | 1325-1400 | Môn Hạ Sảnh ấn<br>門下省印  | Hiện còn |

*Nhận định 3:* Chiếc ấn “Nội Mật” bị mất trong kháng chiến chống quân Nguyên, và chiếc ấn làm tạm bằng gỗ, có lẽ cũng chỉ khắc các chữ “Nội Mật Viện ấn” chứ chưa thể khắc “Sắc mệnh chi bảo” được.

*Nhận định 4:* Chưa nên đồng nhất hiện vật SMCB (勅命之寶) tại Hoàng thành Thăng Long với sử liệu “Nội Mật [Viện] ấn” (内密[院]印) trong *DVSKTT*.

*Nhận định 5:* “Nội Mật Viện ấn” có khả năng cao cũng sẽ được khắc theo kiểu tự dạng triện thư “cửu trùng” như con dấu “Môn Hạ Sảnh ấn” và “Bằng Tường thổ châu chi ấn” - hai con ấn triều Trần hiếm hoi còn lại hiện nay.

### 3.2. Sử liệu 2: Ấn gỗ trên thiếp tử kê khai hộ khẩu thời Trần

*DVSKTT* ghi: “[33b] Bính Thìn, [Đại Khánh] năm thứ 3 [1316], (Nguyên Diên Hựu năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 2, xét duyệt quan văn và hộ khẩu có mức độ khác nhau. Các quan xét duyệt cho rằng những *thiếp tử* đóng ấn gỗ vào năm Nguyên Phong [1251 - 1258] là giả tạo. Thượng hoàng nghe tin ấy, bảo họ: ‘Đó đúng là những tấm *quan thiếp tử* đấy’. Nhân ôn chuyện xưa mà dụ rằng: ‘Những người ở trong triều mà không am hiểu điển cũ thì việc sai lầm cũng nhiều lắm’.”<sup>(17)</sup>

Căn cứ vào chú thích của Hoàng Văn Lâu,<sup>(18)</sup> có một nhà sử học suy luận thêm rằng, “tấm thiếp đóng ấn gỗ” đây chính là dấu “Sắc mệnh chi bảo” vào thời Hoàng đế Trần Thái Tông.<sup>(19)</sup> Nhận định này không có cơ sở bởi các lẽ như sau.

*Nhận định 6:* Ấn gỗ (mộc ấn) ở đây không biết nội dung chữ viết là gì, của cơ quan cấp nào, nên không thể gán cho nó là SMCB được.

*Nhận định 7:* Ấn gỗ này được đóng trên các “thiếp tử” là một loại hình văn bản hành chính vào hai triều Trần và Minh thuộc, dùng để kê khai kết quả điều tra, thống kê hộ khẩu, cho nên còn được gọi là “hộ thiếp”.<sup>(20)</sup> Như thế, có thể suy ra:

*Nhận định 8:* Cơ quan sử dụng dấu gỗ này và các văn bản *thiếp tử* trên sẽ thuộc cấp địa phương dưới sự quản lý của Bộ Hộ, chứ không thể nào thuộc Nội Mật Viện hay Môn Hạ Sảnh! Chế độ “thiếp tử” có thể phân làm nhiều cấp khác nhau, nhưng vì không phải là trọng tâm của bài viết nên sẽ trình bày vào một dịp khác.<sup>(21)</sup>

Đến đây có thể phân biệt các loại hình ấn triện khác nhau theo hệ thống hành chính nhà Trần như sau.

| Cấp                          | Ấn                                              | Hiện vật             |
|------------------------------|-------------------------------------------------|----------------------|
| Thái thượng hoàng            |                                                 |                      |
| ↓                            | Bảo tỳ truyền quốc - ngọc, vàng <sup>(22)</sup> | Mất                  |
| Hoàng đế                     |                                                 |                      |
| ↓                            | ↓                                               |                      |
| Nội Mật Viện/<br>Môn Hạ Sảnh | Nội Mật Viện ấn/<br>Môn Hạ Sảnh ấn - đồng       | Mất/<br><b>Còn 1</b> |
| ↓                            | ↓                                               |                      |
| Lục bộ                       | Ấn của sáu bộ - đồng                            | Mất                  |
| ↓                            | ↓                                               |                      |
| Cơ quan cấp lộ, châu         | Ấn của cơ quan lộ, châu <sup>(23)</sup> - đồng  | <b>Còn 1</b>         |
| ↓                            | ↓                                               |                      |
| Cơ quan cấp địa phương       | Ấn của huyện - gỗ?                              | Mất                  |

Sơ đồ trình bày trên cho thấy có sự kế thừa và vi chỉnh hệ thống hành chính của nhà Trần từ Lý theo mô hình hậu Đường - sơ Tống - “một mô hình được coi là hoàn chỉnh nhất trong các triều đại Trung Quốc và đóng vai trò gương mẫu cho các nước trong khu vực”.<sup>(24)</sup>

### 3.3. Sử liệu 3: Ấn SMCB thời vua Lê Thái Tông 1435

*ĐVSKTT* ghi sau khi vua Lê Thái Tông lên ngôi tháng 9 năm 1434, làm lễ tấu cáo việc đúc 6 quả ấn với trời đất cũng như Thái Miếu, trong đó có ấn SMCB: “Ngày 16 tấu cáo trời đất và Thái Miếu về việc đúc “Thuận thiên thừa vận chi bảo”, “Đại thiên hành hóa chi bảo”, “Sắc mệnh chi bảo”, “Chế cáo chi bảo”, “Ngự tiền chi bảo”, “Ngự tiền tiểu bảo”, tổng cộng gồm 6 quả.”<sup>(25)</sup> [sử liệu 3a]. Đến năm sau 1435, việc đúc ấn hoàn thành: “ngày mùng 6, tháng 3, đúc xong bảo tỳ.”<sup>(26)</sup> Sai bọn Hữu bật Lê Văn Linh đến Thái Miếu làm lễ tế cáo. Cả 6 bảo tỳ đều đúc bằng vàng bạc. “Thuận thiên thừa vận chi bảo” thì cất đi không dùng, chỉ khi nào truyền ngôi mới dùng. “Đại thiên hành hóa chi bảo” chỉ khi nào có việc chinh phạt thì mới dùng. “Chế cáo chi bảo” dùng khi ban chế - chiếu. “Sắc mệnh chi bảo” thì dùng khi có sắc dụ và hiệu lệnh thưởng phạt cùng các việc lớn. “Ngự tiền chi bảo” thì dùng trong các việc trưởng bạ và tịch bạ. “Ngự tiền tiểu bảo” thì dùng khi có việc cơ mật. Tuy nhiên, chính sự [triều đình thực tế] thì vẫn dùng ấn ngà, còn việc thi hành các ấn mới, thì đều chưa dùng đến [các ấn mới đúc ấy].”<sup>(27)</sup> [sử liệu 3b].

Đến năm 1468, vua Lê Thánh Tông “ra sắc chỉ rằng: [khi vua có] lệnh ban ơn [cho bề tôi], quan [văn] nhất phẩm dùng *chế*, quan võ nhất phẩm [đến] quan văn tam phẩm dùng *cáo*, quan võ tam phẩm và quan văn tứ phẩm ngũ phẩm dùng *sắc mệnh*, [các cấp quan] còn lại đều cấp *khám hợp*.”<sup>(28)</sup> [sử liệu 3c].

Năm 1469, lại điều chỉnh như sau: “sắc chỉ: công - hầu - bá cấp *ché mệnh*, văn võ bá quan hàng nhị phẩm cấp *cáo mệnh*, tam phẩm đến ngũ phẩm cấp *sắc mệnh* [bằng] giấy long tiên, lục phẩm và thất phẩm cấp *sắc mệnh* [bằng giấy?] hắc lạn [tro xám], bát phẩm và cửu phẩm cấp *khám hợp*”<sup>(29)</sup> [sử liệu 3d].

Có thể thấy rõ thể chế sắc mệnh trong các loại hình văn bản hành chính thời Lê Thánh Tông như bảng dưới đây của Trần Thị Xuân.<sup>(30)</sup>

| Năm       | 1468      |                                      |                                   |             | 1469        |                |                          |                        |                    |
|-----------|-----------|--------------------------------------|-----------------------------------|-------------|-------------|----------------|--------------------------|------------------------|--------------------|
| Chức quan | Nhất phẩm | Võ nhất, nhị phẩm; văn nhị, tam phẩm | Võ tam, tứ phẩm; Văn tứ, ngũ phẩm | Còn lại     | Công-Hầu-Bá | Bá quan văn võ |                          |                        |                    |
|           |           |                                      |                                   |             |             | Nhị phẩm       | Tam phẩm đến ngũ phẩm    | Lục phẩm, thất phẩm    | Bát phẩm, cửu phẩm |
| Văn bản   | Chế 制     | Cáo 誥                                | Sắc 勅                             | Khám hợp 勘合 | Chế mệnh 制命 | Cáo mệnh 誥命    | Sắc mệnh-long tiên 勅命-竜箋 | Sắc mệnh-hắc lạn 勅命-黒爛 | Khám hợp 勘合        |

Đây là sử liệu văn hiến (sử liệu chữ viết) đầu tiên ghi chép chính xác về ấn “Sắc mệnh chi bảo”. Cần nhấn mạnh rằng, *ĐVSKTT* là bộ sử chính thống quan phương, mà lần biên soạn mang tính then chốt là do Ngô Sĩ Liên năm 1479. Sử liệu này cho phép chúng ta đi đến nhận thức như sau:

*Nhận định 9:* Triều Lê sơ dùng sáu loại bảo tỷ phỏng theo mô hình của điển chế nhà Minh (xem thêm *Minh sử* ở dưới), nhưng tên các bảo tỷ và số lượng bảo tỷ không rập khuôn hoàn toàn, do nhà Lê không thể nào sử dụng chữ “Thiên tử” như các bảo tỷ “Thiên triều”.

*Nhận định 10:* Đây là hệ thống sử liệu cho phép xác định rằng, triều Lê đã chính thức từ bỏ mô hình quản lý nhà nước kiểu Lý-Trần (Đường-Tống), nhưng cũng đã có sự kế thừa từ các triều trước giống như nhà Minh.

*Nhận định 11:* Niên đại 1434-1435 xác định chính xác thời điểm đúc lục tỷ.

*Nhận định 12:* Cho thấy, việc đúc lục tỷ chỉ là việc cụ thể hóa của hàng loạt các cải cách hành chính chế độ từ thời Lê Thái Tổ đến Lê Thái Tông mô phỏng và cải biên theo mô hình nhà Minh.<sup>(31)</sup>

*Nhận định 13:* Việc đúc bảo tỷ là sự kiện quan trọng của triều đình, nên đã có nghi thức quốc gia tế lễ với trời đất và Thái Miếu ở cả thời điểm khởi đúc và khi đúc xong. Bảo tỷ được coi như biểu tượng quyền lực, biểu tượng truyền quốc, nên việc đúc ấn, làm lễ thường được chính sử ghi chép cẩn thận, tương đối khả tín.

*Nhận định 14:* Chức năng sử dụng của lục tử cũng được ghi chép rõ ràng, và chi tiết.

*Nhận định 15:* Trong đó, việc chinh phạt (chiến tranh) thì dùng ấn “Đại thiên hành hóa chi bảo”.

*Nhận định 16:* Còn “Sắc mệnh chi bảo” được sử dụng trong các việc lớn của triều đình như việc ban dụ, ban sắc, ban hiệu lệnh hay để thưởng người có công, phạt người có tội.

*Nhận định 17:* Như thế, ấn “Sắc mệnh chi bảo” lần đầu tiên được sử liệu xác nhận xuất hiện tại Đại Việt bắt đầu từ thời điểm năm 1435. Điều này đã từng được xác nhận bởi chuyên gia ấn chương học.<sup>(32)</sup>

*Nhận định 18:* Ấn SMCB không liên quan đến ấn của Nội Mật Viện (kể cả Trần lãn Lê), bởi thời Lê đã thành lập *Tư Lễ Giám* 司禮監, chuyên giữ ấn sắc, theo một hình thức tương tự như thể chế nhà Minh.<sup>(33)</sup>

*Nhận định 19:* Việc thực hành chế độ sắc mệnh tiếp tục được kế thừa và chi tiết hơn vào thời Lê Thánh Tông, với hai lần ban sắc quy định [sử liệu 3c, 3d] vào các năm 1468 và 1469.

*Nhận định 20:* Kể từ sau 1469, sắc mệnh được dùng để ban cho các quan văn giai và võ giai từ tam phẩm đến thất phẩm.

### 3.4. Sử liệu 4: SMCB triều Minh

*Minh sử* - bộ chính sử do nhà Thanh soạn tại quyển 68, phần Chí 44 ghi như sau:

*Đầu thời Minh có 17 loại bảo tử. Loại bảo tử lớn nhất là “Hoàng đế phụng thiên chi bảo”, là “Hoàng đế chi bảo”, là “Hoàng đế hành bảo”, là “Hoàng đế tín bảo”, là “Thiên tử chi bảo”, là “Thiên tử hành bảo”, là “Thiên tử tín bảo”, là “Chế cáo chi bảo”, là “Sắc mệnh chi bảo”, là “Quảng vận chi bảo”, là “Hoàng đế tôn thân chi bảo”, là “Hoàng đế thân thân chi bảo”, là “Kính thiên Cần dân chi bảo”; lại chế “Ngự tiền chi bảo”, “Biểu chương kinh sử chi bảo”, cùng “Khâm văn chi tử” và “Đan phù xuất nghiệm tứ phương”. Hồng Vũ thứ nhất (1368) muốn chế bảo tử, có người Hồ đi buôn bán qua biển đến dâng ngọc đẹp, nói loại này từ nước Vu Điền,<sup>(34)</sup> ông cha truyền lại, xứng đáng làm bảo tử của Đế vương. Mới mệnh chế làm bảo, không rõ trong mười bảy loại trên, ngọc này chế là bảo nào. Thành Tổ lại chế “Hoàng đế thân thân chi bảo”, “Hoàng đế phụng thiên chi bảo”, “Cáo mệnh chi bảo”, “Sắc mệnh chi bảo”.<sup>(35)</sup> [sử liệu 4a].*

Chuyên luận *Truyền quốc ngọc tử* cũng căn cứ đoạn trên cho rằng Chu Nguyên Chương là người chế định là 17 loại bảo tử, trong đó có ấn SMCB.<sup>(36)</sup> Công trình nghiên cứu của Kataoka Kazutada<sup>(37)</sup> cho rằng ấn SMCB được chế tạo vào năm

1388. Kataoka dựa vào “Minh Thái Tổ thực lục” 明太祖實錄 (quyển 190, tờ 9b) ghi rằng: “chiếu cho Lại Bộ từ nay trở đi các tín phù [của Hoàng đế] cho việc cáo mệnh cho phép dùng “Sắc mệnh chi bảo”” (詔吏部自今誥命丹符許用「勅命之寶」) [sử liệu 4b]. Theo ghi chép này, triều đình nhà Minh bắt đầu sử dụng ấn SMCB từ ngày Canh Dần tháng 5 năm Hồng Vũ thứ 21 (1388). Với hai sử liệu trên, ta biết thời điểm đúc ấn SMCB là 1368, và thời điểm sử dụng là 1388.

Hiện nay chưa tìm thấy bất kỳ sử liệu nào sớm hơn *Minh sử*, và thời điểm sự kiện sớm hơn mốc thời gian 1368 cho loại hình bảo tỳ SMCB ở Đông Á, kể cả sau khi chúng tôi khảo sát sử liệu từ các bộ sử lớn như *Nguyên sử* 元史<sup>(38)</sup> [sử liệu 5], *Tân Đường thư* 新唐書<sup>(39)</sup> [sử liệu 6], *Cựu Đường thư* 舊唐書<sup>(40)</sup> [sử liệu 7], *Tân Ngũ Đại sử* 新五代史<sup>(41)</sup> [sử liệu 8], *Cựu Ngũ Đại sử* 舊五代史<sup>(42)</sup> [sử liệu 9], *Tống sử* 宋史<sup>(43)</sup> [sử liệu 10]. Hệ thống sử liệu chính thống và có hệ thống của các triều đình Trung Hoa nêu trên cho phép ta đi đến một số nhận định như sau:

*Nhận định 21:* Từ Đường đến Tống - Nguyên chưa có bảo tỳ SMCB.

*Nhận định 22:* Triều Minh là triều đại đầu tiên có sử dụng SMCB.

*Nhận định 23:* Năm 1368 là thời điểm đầu tiên/ sớm nhất hiện biết cho sự tồn tại của ấn SMCB, và năm 1388 thời điểm SMCB bắt đầu được sử dụng trong hệ thống hành chính ở Trung Quốc cũng như ở các nước Đông Á khác.

*Nhận định 24:* Niên đại 1368 của ấn SMCB của triều Minh có trước năm 1435 (niên đại sớm nhất của ấn SMCB triều Lê sơ, qua sử liệu Việt Nam). Điều này củng cố nhận định đã nêu ở trên của chúng tôi, rằng:

*Nhận định 25:* SMCB của Lê sơ trong *DVSKTT* có khả năng đã kế thừa/ mô phỏng SMCB của triều Minh.

*Nhận định 26:* Còn nếu như vẫn có người cho rằng, hiện vật SMCB đào được tại lớp văn hóa thời Trần tại Hoàng thành Thăng Long cho thấy, triều Minh có khả năng đã học tập chế độ SMCB từ nhà Trần của Đại Việt thông qua hiện vật SMCB đang xét, thì điều đó nằm ngoài tầm hiểu biết của chúng tôi về sử liệu và sử liệu học.

### 3.5. *Sử liệu 11: SMCB thời vua Lê Trang Tông*

*Đại Nam thực lục* ghi chép sự kiện tháng 1 năm Minh Mạng thứ 1 (1820): “Người Thanh Hoa là Trần Hữu Bảo đào được một cái ấn bằng đồng, có chữ “Sắc mệnh chi bảo” (Sau lưng khắc “Nguyên Hòa ngũ niên tạo” (1537). Nguyên Hòa là niên hiệu của Lê Trang Tông). Người Quảng Đức là Hồ Quang đào được một cái ấn ngọc, trong có chữ: “Trung hòa vị dục”. Đều do quan địa phương dâng lên. Vua sai thưởng bạc theo bậc khác nhau (Trần Hữu Bảo bạc 20 lạng, Hồ Quang 5 lạng)”.<sup>(44)</sup>

Sử liệu này cho thấy, *Nhận định 27:* bảo tỳ SMCB tiếp tục được sử dụng ở các đời vua Lê thế kỷ XVI. *Nhận định 28:* Hiện vật SMCB do Trần Hữu Bảo nhặt

được tại Thanh Hoa năm 1820 cho thấy SMCB đúc năm 1435 thời vua Lê Thái Tông (sau gần 100 năm) đã không còn, có thể là do loạn lạc vào giai đoạn này. *Nhận định 29*: Vì thế, triều Lê Trang Tông đã phải đúc lại ấn mới năm 1537. *Nhận định 30*: Sau đó, chiếc ấn này lại tiếp tục bị thất lạc tại Thanh Hoa (chưa rõ thời điểm thất lạc, cần tìm hiểu thêm).

### 3.6. Sử liệu 12-20: chức năng của SMCB trong lịch sử

*Đại Nam thực lục*, chính biên, đề nghị kỷ cho biết đến năm Minh Mệnh thứ 6 (1825), ban bố lệnh bắt đầu dùng ấn SMCB: “*Bắt đầu đúc ấn “Hoàng đế tôn thân” (vuông 3 tắc 2 phân, dày 3 phân 6 ly), ấn “Sắc mệnh chi bảo” (vuông 3 tắc 2 phân, dày 3 phân 2 ly), đều núm hình rồng cuốn*”.<sup>(45)</sup> [sử liệu 12].

*Minh Mệnh chính yếu* ghi: “Đúc Hoàng khảo Thế Tổ Cao Hoàng Đế ta, dựng thành quy chế, lập ra pháp luật, trăm chế độ đều mới cả, ra sắc mệnh đúc các loại ấn như Chế cáo chi bảo, Ngự tiền chi bảo, Mệnh đức chi bảo”.<sup>(46)</sup> [sử liệu 13].

*Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* ghi lời dụ của Hoàng đế Minh Mệnh năm 1828: “từ trước đến nay phong tặng cho các thần kỳ, cùng văn võ quan phẩm, thì đều dùng ấn Phong tặng chi bảo. Nay mới đúc ấn *Sắc mệnh chi bảo*, từ nay phẩm có ban cấp cho văn võ, phong tặng cho thần-dân đều cho dùng.”<sup>(47)</sup> [sử liệu 14]. Các tác giả trong *Kim ngọc bảo tỷ*<sup>(48)</sup> cho rằng hiện vật SMCB của triều Nguyễn hiện còn chính là bảo tỷ do Minh Mệnh sai đúc. Chức năng của SMCB là dùng để phong tặng cho các quan văn, quan võ, và bách thần (thuộc hồ sơ tự điển của triều đình) và cho cả thần dân.

So sánh với điển chế sử dụng SMCB của Trung Quốc, chúng tôi thấy chữ “sắc mệnh” có 2 nghĩa: (1) dùng để chỉ chiếu lệnh của đế vương nói chung; (2) các mệnh lệnh của các triều Minh - Thanh dùng để phong tặng cho các quan chức từ lục phẩm trở xuống (trích *Thanh hội điển sự lệ* 清會典事例 - *Trung thư khoa - Kiến chí*)<sup>(49)</sup> [sử liệu 15].

Chế độ “sắc mệnh” vốn có nguồn gốc từ chế độ “sắc” từ các triều đại trước, mà sử liệu sớm nhất hiện biết là *Hậu Hán thư* [sử liệu 16]. Sách này ghi như sau: “Chế độ nhà Hán: Hoàng đế ban *thư* [văn bản] có bốn loại: thứ nhất là *sách thư*, thứ hai là *chế thư*, thứ ba là *chiếu thư*, thứ tư là *giới sắc*. *Sách thư* nghĩa là loại *biên giản* [thẻ tre bện liền], thể chế của nó thì chiều dài 2 thước, chiều văn bằng nửa, viết chữ triện, bắt đầu viết là năm tháng ngày, xưng là Hoàng đế, để sai mệnh các vua chư hầu. Tam công nếu bị tội mà [Hoàng đế] muốn miễn thì ban sách, nhưng dùng chữ lệ, và chỉ dùng một mảnh gỗ, viết hai hàng, duy có đó là khác. *Chế thư* là loại mà đế vương để sai mệnh chế độ, lời văn của loại văn bản này dùng các chữ “chế chiếu tam công”, đều là tỷ phong, Thượng thư lệnh ấn trùng phong, lộ bố khắp các châu quận vậy. *Chiếu thư* tức là chiếu và cáo vậy; văn nó dùng các chữ

“cáo mõ quan văn”, như điển cũ. *Giới sắc* nghĩa là sắc cho Thứ sử hay Thái thú, văn nó dùng các chữ “hữu chiếu sắc mõ quan”.<sup>(50)</sup> Như vậy, bản thân “sắc” ban đầu từ đời Hán đã là một loại văn bản hành chính dùng để sai phái bách quan, thuộc 4 loại văn bản hành chính của Hoàng đế.

Sách *Chính tự thông* 正字通 ghi: “nhà Tống, sắc có khi dùng cho việc thưởng, không sắc cho việc khác. Chế độ nhà Minh thì [dùng sắc để] sai khiến các bề tôi..., các quan từ lục phẩm trở xuống mà được tặng phong thì gọi là sắc mệnh,...”<sup>(51)</sup> [sử liệu 17].

Sách *Triều Tiên vương triều thực lục* ghi các việc liên quan đến chế độ “sắc mệnh” xuất hiện vào các năm 1479, 1480, 1609, 1610 [sử liệu 18].<sup>(52)</sup> Sử liệu này cho thấy chế độ sắc mệnh, mà đi cùng là loại bảo tỳ SMCB xuất hiện ở Triều Tiên cũng sau thời điểm định chế của Minh Thành Tổ năm 1368 - 1388. Đây là tư liệu chứng minh thêm cho nhận định đã nêu ở trên về tính chất khu vực của thể chế này ở Trung Quốc, Triều Tiên và Việt Nam.

Khảo về chế độ “sắc mệnh” thời Minh thì thấy *Minh sử* ghi như sau: “từ ngũ phẩm trở lên thì được nhận *cáo mệnh*, từ lục phẩm trở xuống thì nhận *sắc mệnh*”.<sup>(53)</sup> Ngoài ra, chế độ thời này còn dùng hai chữ “sắc mệnh” để ban ấn tỳ cho chư phiên.<sup>(54)</sup> [sử liệu 19-20].

Từ các sử liệu trên ta thấy, chức năng của SMCB ở triều Minh bao gồm: (1) văn bản sắc mệnh là dành cho quan lục phẩm trở xuống đến cửu phẩm; (2) ban chữ sắc mệnh cho chư phiên. (3) Chế cáo chi bảo dành cho quan từ ngũ phẩm trở lên.

So sánh với sử liệu 3, sử liệu 4, ta thấy Đại Việt thời Lê sơ (1435) đều có cả hai ấn “Chế cáo chi bảo” và “Sắc mệnh chi bảo”. Thêm một lần nữa ta thấy sự mô phỏng chế độ của Lê sơ từ chế độ hành chính nhà Minh.

Như vậy, “giới sắc” bắt đầu xuất hiện từ đời Hán, chức năng là sai phái các Thứ sử. Nhà Tống sử dụng “sắc” để ban thưởng. Thời Minh thừa tiếp chế độ này nhưng quy định thành loại ấn SMCB, nhưng hạn định ban thưởng cho quan từ lục phẩm trở xuống (trái với *chế cáo* là từ ngũ phẩm trở lên). Chế độ “sắc mệnh” với SMCB từ đây lan tỏa đến các thể chế đời sau.

### 3.7. Sử liệu 21: Hệ thống sắc phong qua các triều Lê - Mạc - Nguyễn hay sự thực thi chế độ SMCB ở Việt Nam thế kỷ XV - XX

Qua khảo sát trên dưới 3.000 sắc phong trong kho tư liệu cá nhân, cùng với sự khảo sát hệ thống sắc phong tại các di tích hiện nay hơn 15 năm trở lại đây, chúng tôi thấy rằng phần lớn các sắc phong đều dùng ấn SMCB (ngoài ra còn có “Hòa nhu chi bảo”, “Phong tặng chi bảo”, “Quốc gia tín bảo”). Niên đại của các sắc phong này trải dài từ thời Hồng Đức cho đến các triều vua cuối cùng của triều

Nguyễn, trong quãng thời gian trên 400 năm. Đây là hệ thống sử liệu xác minh cho việc thực thi chế độ SMCB ở Việt Nam qua các triều Lê sơ, Mạc, Lê trung hưng, Tây Sơn, Nguyễn.

Các sắc phong có SMCB sớm nhất thuộc về niên đại Hồng Đức của Hoàng đế Lê Thánh Tông, bao gồm sắc phong cấp năm Hồng Đức 23 (1492), Hồng Đức 28 (1497)<sup>(55)</sup> và Hồng Đức 19 (1488).<sup>(56)</sup> Đến thời Mạc, chúng ta hiện biết còn một số sắc phong có đóng ấn SMCB, như sắc năm Minh Đức nguyên niên (1527) đời Mạc Đăng Dung, Quảng Hòa sơ niên (1540) đời Mạc Đăng Doanh, Cảnh Lịch sơ niên (1548) đời Mạc Phúc Nguyên tại đền Quang Lăng (xã Thụy Hải, Kiến Thụy, Thái Bình),<sup>(57)</sup> sắc được ban vào niên hiệu Sùng Khang thứ 9 (1574) đời Mạc Mậu Hợp ban cho thần ở Tử Dương thần từ (làng Tía, xã Tô Hiệu, Thường Tín).<sup>(58)</sup> Đến các đời Lê trung hưng, Tây Sơn<sup>(59)</sup> và Nguyễn, chúng ta còn hàng ngàn hiện vật sắc phong có đóng dấu SMCB.<sup>(60)</sup>

Để xác minh thêm phạm vi sử dụng của SMCB, chúng tôi đã khảo sát sơ bộ qua hệ thống châu bản triều Nguyễn thì thấy, chưa có văn bản hành chính nào có sử dụng SMCB.<sup>(61)</sup>

Các sắc phong, chế phong có SMCB bao gồm hai loại: (1) phong cho thần (được thờ tại các làng xã) gồm cả nhiên thần và nhân thần; (2) phong cho người sống (chủ yếu là sắc phong tặng thưởng cho quan lại, hoặc sắc phong chức tước như trường hợp sắc phong cho Tiên sĩ Phí Đăng Nhậm làm Cẩn sự lang Giám sát Ngự sử đạo Kinh Bắc năm 1661<sup>(62)</sup>). Thời Lê phần lớn dùng chung là sắc phong. Thời Nguyễn thì chia ra nhóm sắc phong là dành cho thần, chế phong dành cho quan lại. (Xem thêm sử liệu 14).

Sự thực thi chế độ “sắc mệnh” trong lịch sử Việt Nam qua tư liệu thư tịch và tư liệu sắc phong, châu bản có thể được trình bày qua bảng sau.

**Bảng “Sự thực thi chế độ sắc mệnh trong lịch sử”**

|               | Niên đại               | Loại văn bản                        | Thần/ Quan | SMCB   |
|---------------|------------------------|-------------------------------------|------------|--------|
| Lê sơ         | 1435                   | Sắc phong/ chế cáo* <sup>(63)</sup> | X          | X      |
| Lê sơ         | 1488, 1492, 1497       | Sắc phong                           | Thần       | Có     |
| Mạc           | 1527, 1540, 1548, 1574 | Sắc phong                           | Thần       | Có     |
| Lê trung hưng | Tk17-18                | Sắc phong                           | Thần/ Quan | Có     |
| Tây Sơn       | Cuối tk 18             | Sắc phong                           | Thần/ ?    | Có     |
| Nguyễn        | Tk19-1945              | Sắc phong, chế phong                | Thần/ Quan | Có/ có |
|               |                        | Châu bản, Văn bản hành chính        | X          | X      |

Ghi chú: Ký hiệu X trở việc không thấy xuất hiện, hoặc chưa tìm thấy tư liệu ghi nhận.

Bảng trên cho thấy, trong suốt 400 năm, các dấu SMCB chỉ được sử dụng ở 2 loại văn bản là sắc phong và chế phong, không thấy sử dụng cho các văn bản hành chính (điều động quân sự, sai phái, vì đã có các văn bản chức năng khác như bằng cấp, tư, sai với các dấu tương ứng của cơ quan hữu trách...). Với số lượng sử liệu (hiện vật sắc phong) hiện còn, chúng ta có một bức tranh tương đối tổng quát và có hệ thống cho chức năng phong thần của SMCB. Riêng các sắc phong, hay chế phong dành cho thăng thưởng quan lại, do chủ yếu nằm ở tư gia - dòng họ - nhà thờ họ, nên số lượng tương đối rời rạc. Trong tương lai cần có một điều tra, sưu tầm tổng thể để nghiên cứu về loại hình văn bản này.

#### 4. Kết luận

Nghiên cứu SMCB tiếp cận từ nhiều góc độ với quan điểm và thao tác phê phán văn bản, phân tích văn bản, thông diễn văn bản của khoa sử liệu học. Nghiên cứu hai nhóm *sử liệu văn vật* (hiện vật khảo cổ) và *sử liệu văn hiến* (sử ký, công văn hành chính, châu bản...) cho phép bước đầu tìm hiểu về hiện vật SMCB tại Hoàng thành Thăng Long.

Theo giả thuyết 1 (hiện vật SMCB nằm trong lớp văn hóa Trần), chúng ta thấy hiện vật này, ngoài *tính khả tín tương đối* của việc xác định niên đại học và lớp văn hóa khảo cổ, gần như không có bất cứ mối liên hệ liên văn bản nào với các hệ thống sử liệu chữ viết Việt Nam, cũng như hệ thống sử liệu Trung Hoa, Triều Tiên. Những thao tác suy luận từng trình bày trước đây, hầu như chưa đảm bảo các yêu cầu về giám định, giải mã về sử liệu học đối với các sử liệu văn hiến, do chưa biện biệt hệ thống thành chính (Nội Mật Viện, Môn Hạ Sảnh) với con dấu và chức năng tương ứng. Nội Mật Viện ấn, Môn Hạ Sảnh ấn là khác với SMCB, và SMCB khác với ấn gỗ đóng trên thiếp tử kê khai hộ khẩu đời Trần.

Theo giả thuyết thứ hai (SMCB *có khả năng cao* là một hiện vật đời sau, vì lý do nào đó, đã rơi vào lớp văn hóa đời Trần), chúng ta thấy độ tụ của các sử liệu đều tập trung cho giả thuyết rằng: bảo tử SMCB và chế độ “sắc mệnh” là một sản phẩm văn hóa vùng, một sản phẩm của chế độ chính trị ở khu vực Đông Á.<sup>(64)</sup> Thông qua việc khảo sát các sử liệu thành văn (từ sử liệu 4 đến sử liệu 16, với hàng triệu lượt chữ bằng cơ sở dữ liệu toàn văn full-text database của các tài liệu gốc bằng Hán văn) của các bộ sử chính thống ghi chép từ thế kỷ VII đến thế kỷ XIX, chúng tôi nhận định rằng: năm 1368 là niên đại khởi đầu cho việc ban hành SMCB và chế độ “sắc mệnh” của Hoàng đế Chu Nguyên Chương, sau đó chế độ này đã ảnh hưởng đến Đại Việt bắt đầu năm 1435 thời vua Lê Thái Tông, và đến Triều Tiên năm 1479 (*Triều Tiên vương triều thực lục*, sử liệu 16, sdd).

Chúng tôi xin gút lại (một cách chắt lọc) một số kết luận đã nêu ở từng nhận định trong bài viết như sau.

(1) Hiện vật SMCB tại khu khảo cổ Vườn Hồng là độc lập/ không liên quan với sử liệu “ấn gỗ” (Nội Mật ấn/ Nội Mật Viện ấn, khắc tạm năm 1267), cũng như ấn gỗ đóng trên thiếp tử kê khai hộ khẩu được chép trong các đoạn sử liệu 1 và sử liệu 2 của *ĐVSKTT*.

(2) Ấn SMCB đúc năm 1435 thời vua Lê Thái Tông là có tính hệ thống, có mối liên hệ liên văn bản với nhiều sử liệu khác trong nước cũng như nước ngoài.

(3) SMCB và chế độ “sắc mệnh” bắt đầu có từ năm 1368 thời Chu Nguyên Chương. Sau đó, nó trở thành một thể chế quan trọng của triều đình các nước Đông văn (Việt Nam, Triều Tiên, Trung Quốc) nhằm thể hiện quyền lực nhà nước qua hình thức thăng thưởng cho bá quan văn võ, và thăng trật cho hệ thống bách thân (đặc biệt ở Việt Nam).

(4) SMCB và chế độ “sắc mệnh”, với những tư liệu hiện biết, chưa từng được sử dụng trong các văn bản hành chính hay các lệnh điều động quân sự.

(5) SMCB và chế độ “sắc mệnh” đã tồn tại ở các triều đại phong kiến Việt Nam, trong khoảng thời gian hơn 400 năm, bắt đầu từ năm 1435 cho đến cuối triều Nguyễn (nửa đầu thế kỷ XX). Chế độ “sắc mệnh” đã tạo nên các hoạt động thực thi quyền lực của nhà nước, đã tạo ra hàng vạn văn bản sắc phong trải khắp từ Bắc chí Nam, mà cho đến nay hầu như chúng ta vẫn chưa có một dự án nào thống kê, sưu tầm, số hóa kho di sản đồ sộ này một cách có hệ thống!

Một khe hở cuối cùng mà có người đã tính đến để khép hợp cả hai chiều hướng giải quyết. Đó là quãng niên đại từ 1368 đến cuối thế kỷ XIV vẫn có thể ăn khớp với lớp niên đại đời Trần của kết quả khảo cổ. Nhưng, tính hệ thống của mô hình hành chính/ hệ thống con dấu thể hiện quyền lực nhà nước (như Môn Hạ Sảnh ấn còn tồn tại mãi đến năm 1388, thậm chí cho đến 1399) thì việc SMCB bứng trồng vào Đại Việt ngay sau khi nó vừa mới được khai sinh là điều thực tế có thể xảy ra, nhưng điều đó chỉ dựa thuần túy vào suy luận mà không có sử liệu minh chứng. Mặt khác, như Momoki Shiro (2016) đã nhận định, chế độ hành chính nhà Trần bảo lưu gần như tuyệt đối từ Lý với nguyên mẫu từ hậu Đường - sơ Tống. Việc thay đổi thể chế hành chính theo triều Minh có thể chỉ bắt đầu từ sau thời thuộc Minh và chính thức được thi hành bởi các vị quân chủ thời Lê sơ vào giữa thế kỷ XV.<sup>(\*)</sup>

**TTD**

---

\* Bài viết được tài trợ thực hiện trong chương trình nghiên cứu hiện vật SMCB của Hoàng thành Thăng Long. TTD.

## CHÚ THÍCH

- (1) Phạm Quốc Quân. 2016. “Vài ý kiến về ấn “Sắc mệnh chi bảo” phát hiện ở Hoàng thành Thăng Long”. Nguồn: <http://thegioidisan.vn/vi/vai-y-kien-ve-an-sac-menh-chi-bao-phat-hien-o-hoang-thanh-thang-long.html>. Ngày hạ tải: 07/01/2017.
- (2) Chuyển dẫn Gia Huy. 2016. “Giá trị vô giá của “Sắc mệnh chi bảo”. Nguồn: [thanglong.chinhphu.vn](http://thanglong.chinhphu.vn). Ngày đăng: 26/02/2016.
- (3) Hà Văn Tấn (chủ biên). 2002. *Khảo cổ học Việt Nam*. Tập 3: *Khảo cổ học lịch sử Việt Nam*, Nxb KHXH, Hà Nội, tr. 54, 57.
- (4) “Sự cả quyết thành Hoa Lư là của Đinh Lê thật cường ép bởi vì đã rõ ràng là có các viên gạch in chữ “Đại Việt quốc quân thành chuyên”, “Lý gia đệ tam đế Long Thụy Thái Bình niên tạo” (1057 của Lý Thánh Tông), cùng một ghi chép niên đại như gạch ở chùa Phật Tích mà từ thế chiến thứ II người ta đã căn cứ vào đó để tìm hiểu lịch sử nghệ thuật Lý. Các tác giả ngày nay viện dẫn truyền thuyết nói động Thiên Tôn là khu nhà tiền tế tiếp quan khách của Đinh - Lê dựa vào viên gạch vỡ chỉ còn chữ “bình” mà bảo là “(Thái) Bình” của Đinh, không nghĩ rằng “Long Thụy Thái Bình” cũng được vậy. (Sự phân tích nơi báo cáo chưa chi li thành thử không biết cỡ gạch có đủ chỗ cho bốn chữ hay không)... Từ đó họ phải dẫn giải để hủy bằng cứ, rằng gạch Đại Việt quốc quân thành chứng tỏ Đại Việt là từ nghiêm chỉnh của Đại Cồ Việt”. [Tạ Chí Đại Trường. 2014. *Việt Nam ở thế kỷ X*. Trong *Những bài đã sử Việt*, Hà Nội, Nhã Nam - Nxb Tri thức, tr. 131]. Tuy nhiên, cũng có giả thuyết tiếp tục sử dụng tư liệu khảo cổ học như một sử liệu xác tín để phủ nhận sự tồn tại của Đại Cồ Việt, như Polyakov Alexey Borisovich. 2016. “Vấn đề tự tồn tại quốc gia Đại Cồ Việt thế kỷ X-XI”. Tạp chí *Khoa học ĐHQGHN*, tập 32, số 1S (2016), 30-35.
- (5) Trần Trọng Dương. “Khảo về Đại Cồ Việt - nước Việt - nước Phật giáo”. Tạp chí *Hán Nôm* số 02/2009, tr. 53-75.
- (6) 吳士連 Ngô Sĩ Liên (đăng) 1479 & 范公著 Phạm Công Trứ (đăng) 1665 & 黎熙 Lê Hy (đăng) 1675. 《大越史記全書》 *Đại Việt sử ký toàn thư*. Để bản 底本: 內閣官板 Nội các quan bản - Chính Hòa năm thứ 18 (1698). Ngô Đức Thọ (dịch và chú thích), Nxb KHXH, Hà Nội, 1998, tập 1, tr. 270. Điều này có nghĩa là khi dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long, nước vẫn mang quốc hiệu là Đại Cồ Việt. [Trần Trọng Dương 2009].
- (7) Ví dụ về công bố quy trình bóc lớp văn hóa đã từng được thực hiện bởi PGS, TS Lâm Mỹ Dung trong việc khai quật và công bố về hạt thóc Thành Dền. <http://dzunglam.blogspot.com/2010/05/gioi-thieu-anh-qua-trinh-phat-hien-thoc.html>. Ngoài ra còn phải công bố các bản vẽ mặt bằng từng lớp, cùng hệ thống hồ sơ khai quật hữu quan. Càng minh bạch thì càng có lợi cho khoa học.
- (8) Nguyên văn: 時，帝親率六師禦寇。掌印官倉卒藏宝玺於大明殿梁上，但帶內密印隨行。途中印又亡。軍中文書無印，帝命工刻木為之。及駕回京，又有進亡印者，所藏宝玺依然猶在。 *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd, tập II, tr. 29. Bản dịch dịch là *ấn báu* là không chính xác, nguyên văn *bảo tỷ*. Đây chỉ bảo tỷ của vua, thiết nghĩ nên giữ nguyên thuật ngữ.
- (9) Nguyên văn: 聖宗 紹隆...十年置翰林院學士、中書省、中書令。又設兩宮：行遣司聖慈宮-上皇所居、行遣左右司宜朝宮-皇帝所居、行遣司並謂之內密院 潘輝注 Phan Huy Chú. 1820. 《歷朝憲章類誌》. 卷之十三：官職誌。東洋文庫 (Đông Dương văn khố, Nhật Bản), tr. 5b. *Lịch triều hiến chương loại chí*, quyển XIII, Quan chức chí, Hà Nội, Nxb Giáo dục, Tb 2007, tr. 529.

- (10), (11) *Lịch triều hiến chương loại chí*, Sđd, tr. 6a.
- (12) Nguyên văn: 隆慶五年五月二十三日造.
- (13) Nhiều tác giả. 2003. *Cổ vật Việt Nam*. Bộ Văn hóa-Thông tin, Cục Bảo tồn Bảo tàng, Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, Hà Nội, tr. 98.
- (14) Nguyễn Văn Huyền. “Bước đầu tìm hiểu các ấn đồng cổ đã biết được ở nước ta”. Tạp chí *Khảo cổ học*, số 20-1976, tr. 49. Theo ông, “Môn Hạ Sảnh ấn” phát hiện tại xã Hương Giang, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh năm 1962.
- (15) Nguyễn Công Việt. 2000. “Về một quả ấn đồng thời Trần”. Tạp chí *Hán Nôm*, số 2 (43)/2000, tr. 29-32.
- (16) Nguyễn Công Việt, 2000, Bđd. Về “Tam sảnh” xin xem thêm Nguyễn Minh Tường. 2016. *Tổ chức bộ máy nhà nước quân chủ Việt Nam (từ năm 939 đến năm 1884)*. Hà Nội, Nxb Khoa học Xã hội, tr. 128-129. Đến năm 1398, Hồ Quý Ly còn cách chức Hành khiển Hà Đức Lân xuống làm Hộ Bộ Thượng thư. [*ĐVSKTT* 1998, tập 2, Nxb KHXH, tr. 194].
- (17) Nguyên văn: 丙辰, 三年元延祐三年, 春二月, 閏定文官, 及戶口有差. 元豐年間, 木印帖子者閏定官以為偽. 上皇聞之, 曰: 此誠官帖子也. 因以故事論之, 九居政府而不諳典故則誤事多矣. *ĐVSKTT*, Sđd, tập 2, tr. 101.
- (18) *ĐVSKTT*, Sđd, tập 2: chú 2, tr. 101.
- (19) Bài đã phát biểu tại hội thảo tại Hoàng thành Thăng Long (chưa công bố).
- (20) “Lý Bân nhà Minh tâu xin Hộ Bộ ban cấp hộ thiếp cho Giao Chỉ, bắt châu huyện làm sổ thuế khoá phu dịch và lên danh sách lý trưởng và giáp thủ từng năm. Đại để, cứ 110 hộ là một lý, mỗi năm cử 1 lý trưởng, 10 giáp thủ, để nhận các việc lao dịch, hết lượt lại cử từ đầu. Người làm lý trưởng, giáp thủ bị roi vọt đánh đập khổ sở khôn xiết”. (明李彬奏請戶部頒級交趾戶帖州縣修定賦役黃里長甲首周年圖樣 大率每一百一十戶為一里每年里長一人甲首十人應役周而復始當里甲者鞭箠不勝其苦) [*ĐVSKTT*, Sđd, tập 2, tr. 242]. Hoàng Văn Lâu chú: “Hộ thiếp: như sổ hộ tịch, mỗi tám hộ thiếp có ghi rõ họ tên, quê quán và số đinh trong mỗi hộ, có đánh số chữ ký hiệu và đóng một nửa phần dấu kiểm đề phòng khi khám nghiệm. Sổ hộ khẩu thì để ở Hộ Bộ, còn hộ thiếp thì phát cho các hộ” (theo *Đại Minh hội điển*). *Minh sử* ghi: “Thái Tổ làm biên tịch hộ khẩu trong thiên hạ, đặt hộ thiếp, hộ tịch, đều ghi đủ tên tuổi, nơi ở. Tịch thì dâng lên Bộ Hộ, thiếp thì trả lại cho dân.” (太祖籍天下戶口, 置戶帖、戶籍, 具書名、歲、居地. 籍上戶部, 帖給之民) [(清)張廷玉等撰. 1665-1739. 《明史》(Minh sử). 志: 凡七十五卷/ 卷七十七 志第五十三/ 食貨一/ 戶口. [底本: 清武英殿本]. 楊家駱主編. 臺北市: 鼎文書局, 民 69 [1980]. P.1878]. Chế độ “thiếp tử”, “hộ thiếp” đã có từ thời Đường, Tống, đến Nguyên Minh vẫn tái dụng. Tuy nhiên, vấn đề này sẽ khảo kỹ về sau.
- (21) Mặt khác, chi tiết “ôn chuyện cũ” cũng có thể đề cập đến một điển chế khác nào đó của nhà Trần về ấn thời Nguyên Phong. Tuy nhiên, với tình hình sử liệu hiện nay, chúng ta không có nhiều thông tin để xác minh thêm chi tiết này.
- (22) Hiện chưa rõ bảo tỷ truyền quốc là do Thái thượng hoàng hay Hoàng đế sử dụng, nhưng cơ quan quản lý và chịu trách nhiệm đóng bảo tỷ có thể vẫn là Nội Mật Viện/ Môn Hạ Sảnh.
- (23) Ví dụ ấn “Bình Tường thổ châu chi ấn” (平祥土州之印) đúc bằng đồng tháng 04 năm Đại Trị 5 (1362). [Vu Phương Chi. 1983. Tạp chí *Ấn chi nghiên cứu*, số 04/1983; Taniguchi Fusao. 1996. “Khảo về ấn của Thổ quan phát hiện ở Quảng Tây”. *Nghiên cứu niên báo*, Sở Nghiên cứu Văn hóa Á Phi, Đại học Tokyo, số 31, tháng 3/1997, tr. 176-188; chuyển dẫn Hà Văn

- Tấn. 1999. “Về một quả ấn Việt Nam thời Trần tìm thấy ở Quảng Tây (Trung Quốc)”. *Thông báo Khảo cổ học 1999*. Tb. 2002 trong *Chữ trên đá - chữ trên đồng: minh văn và lịch sử*. Hà Nội, Nxb Khoa học Xã hội, tr. 167-169.
- (24) Momoki Shiro. 2016. “Thử phân tích quan chế Đại Việt thời Lý thông qua tài liệu văn khắc”. Tạp chí *Khoa học ĐHQGHN*, tập 32, số 1S (2016), tr. 78.
- (25) Nguyên văn: 十六日, 奏告天地及太廟, 以鑄「順天承運之寶」、「代天行化之寶」、「勅命之寶」、「制誥之寶」、「御前之寶」、「御前小寶」、共六顆. *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd, tập 2, tr. 321.
- (26) Các bản dịch trước đều dịch là “ấn báu”.
- (27) Nguyên văn: 三月初六日, 鑄寶璽成, 命右弼黎文靈等至太廟奏告。六璽皆以金銀為之。「順天承運之寶」、藏而不用, 傳國用之。「代天行化之寶」征伐用之。「制誥之寶」制詔用之。「勅命之寶」勅諭及號令、賞罰、大事用之。「御前之寶」帳簿及籍簿用之。「御前小寶」機密用之。然政事猶用牙印; 施行新寶、俱未用之. *ĐVSKTT*, Sđd, tập 2, tr. 327.
- (28) Nguyên văn: 勅旨: 恩命, 一品用制, 武一品文三品用誥, 武三四品文四五品用勅, 餘並給勘合. *ĐVSKTT*, Sđd, tập 2, tr. 426.
- (29) Nguyên văn: 勅旨公侯伯給制命文武百官二品給誥命三品至五品給勅命龜箋六七品給勅命黑爛八品九品給勘合. *ĐVSKTT*, Sđd, tập 2, tr. 436.
- (30) Tư liệu cá nhân của Trần Thị Xuân (chưa công bố). Xin cảm ơn vì đã trở nguồn sử liệu 3c và 3d.
- (31) Dĩ nhiên, thể chế nhà Minh cũng kế thừa từ nhà Tống. [Nguyễn Minh Tường. 2016. *Tổ chức bộ máy nhà nước quân chủ Việt Nam (từ năm 939 đến năm 1884)*. Hà Nội, Nxb Khoa học Xã hội, tr.152-158]. Cụ thể xin được khảo sát trong dịp khác.
- (32) Nguyễn Công Việt. 2005. *Ấn chương Việt Nam từ thế kỷ XV đến cuối thế kỷ XIX*. Hà Nội, Nxb KHXH, tr. 130.
- (33) Về Tư Lễ Giám / Ty Lễ Giám, chuyên giữ việc ấn tín của Hoàng triều, được ghi chép rất rõ trong *Lê triều hội điển*, bản dịch từ sách *Một số văn bản điển chế pháp luật Việt Nam*, Nguyễn Ngọc Nhuận chủ biên, tập 2, Nxb KHXH, 2006. [Chuyển dẫn Phạm Văn Tuấn. 2016. “Ấn “Sắc mệnh chi bảo” ở Hoàng thành Thăng Long, và trào lưu phát ấn đương đại”. Hội thảo khoa học quốc gia “Vai trò của Hán Nôm trong văn hóa đương đại”. Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Hà Nội.
- (34) Vu Điền, một nước thuộc Tây Vực, xưa gọi là Khotan, ngày nay thuộc Khu tự trị Tân Cương (Trung Quốc). Vu Điền là khu vực nổi tiếng có ngọc đẹp của Trung Quốc, chuyên dùng để chế đồ tinh phẩm. [Phạm Văn Tuấn 2016].
- (35) Nguyên văn: 明初寶璽十七。其大者曰「皇帝奉天之寶」, 曰「皇帝之寶」, 曰「皇帝行寶」, 曰「皇帝信寶」, 曰「天子之寶」, 曰「天子行寶」, 曰「天子信寶」, 曰「制誥之寶」, 曰「敕命之寶」, 曰「廣運之寶」, 曰「皇帝尊親之寶」, 曰「皇帝親親之寶」, 曰「敬天勤民之寶」; 又有「御前之寶」、「表章經史之寶」及「欽文之璽」、「丹符出驗四方」。洪武元年欲制寶璽, 有賈胡浮海獻美玉, 曰: 「此出于闐, 祖父相傳, 當為帝王寶璽。」乃命製為寶, 不知十七寶中, 此玉製何寶也。成祖又製「皇帝親親之寶」、「皇帝奉天之寶」、「誥命之寶」、「敕命之寶」。(清)張廷玉等撰。1665 - 1739. 《明史》(Minh sử). 志: 凡七十五卷 / 卷六十八: 志第四十四 / 輿服四 / 皇帝寶璽.[底本: 清武英殿本]. 楊家駱主編. 臺北市: 鼎文書局, 民 69 [1980] 1657 - 1658.

- (36) Vương Thiệu Tỷ. 2000. *Truyền quốc ngọc tỷ*. Thượng Hải, Thượng Hải thư điểm xuất bản xã, tr.365-367. [Chuyển dẫn Phạm Văn Tuấn 2016].
- (37) 片岡一忠. 『中国官印制度研究』。東方書店。2008. p.213. Cảm ơn bạn Kazuki Yoshikawa đã cung cấp nguồn sử liệu và tài liệu nghiên cứu này.
- (38) (明)宋濂等. 1369 - 1370. 《元史》(Nguyên sử). 底本：洪武九十九卷本和南監本。楊家駱主編。臺北市：鼎文書局, 民 70 [1981].
- (39) (宋)歐陽修, 宋祁撰. 1044 - 1060 《新唐書》(Tân Đường thư). 底本：北宋嘉祐十四行本。臺北市：鼎文書局, 民 70 [1981].
- (40) (後晉)劉昫撰. 940 - 945. 《舊唐書》(Cựu Đường thư). 底本：清懼盈齋刻本。臺北市：鼎文書局, 民 70 [1981].
- (41) (宋)歐陽修撰, (宋)徐無黨注. 1036 - 1053. 《新五代史》(Tân Ngũ Đại sử). 底本：南宋慶元本。楊家駱主編。臺北市：鼎文書局, 民 69 [1980].
- (42) (宋)薛居正 (公元 912-981年) 等撰. 《舊五代史》(Cựu Ngũ Đại sử). 底本：南昌熊氏曾影庫本。楊家駱主編。臺北市：鼎文書局, 民 70 [1981].
- (43) (元)脫脫等撰. <宋史> (Tống sử). 底本：元至正本配補明成化本。楊家駱主編。臺北市：鼎文書局, 民 69 [1980].
- (44) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục chính biên*. Đề nghị kỷ: Quyển I: Thực lục về Thánh Tổ Nhân Hoàng Đế, tập 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007, trang 40.
- (45) *Đại Nam thực lục*, Sđd, tập 2, tr. 667.
- (46) *Minh Mệnh chính yếu*, 1974, P.27.
- (47) 1993, Huế, Nxb Thuận Hóa, tr. 34.
- (48) Nguyễn Đình Chiểu, Phạm Quốc Quân, Nguyễn Công Việt. 2009. *Kim ngọc bảo tỷ của Hoàng đế và Vương hậu triều Nguyễn Việt Nam* (Royal Seals of the Nguyễn Dynasty in Vietnam). Hà Nội, Bảo tàng Lịch sử Việt Nam xuất bản. SMCB, tr. 21, 125-126. Chế cáo chi bảo: “được đóng trên tờ huân giới, sắc, chiếu mệnh, sai phái các quan văn võ cùng chiếu văn thăng giáng cấp bậc hay răn dạy quan tướng.”, tr. 21.
- (49) 罗竹风 (主编). (1994). 《汉语大词典》(Hán ngữ đại từ điển). (第5卷/全7卷) - . 汉语大词典出版社. P.458, 794. (清)崑岡等奉敕著. 大清會典事例 (光緒朝). 清光緒二十五年 (1899) 石印本.
- (50) Nguyên văn: 漢制度曰：「帝之下書有四：一曰策書，二曰制書，三曰詔書，四曰誡敕。策書者，編簡也，其制長二尺，短者半之，篆書，起年月日，稱皇帝，以命諸侯王。三公以罪免亦賜策，而以隸書，用尺一木，兩行，唯此為異也。制書者，帝者制度之命，其文曰制詔三公，皆璽封，尚書令印重封，露布州郡也。詔書者，詔，告也，其文曰告某官云〔云〕，如故事。誡敕者，謂敕刺史、太守，其文曰有詔敕某官。」。(劉宋)范曄撰 & (唐)李賢等注 & (晉)司馬彪補志. 《後漢書》(Hậu Hán thư). 底本：宋紹興本。楊家駱主編。臺北市：鼎文書局, 民70 [1981]. 24頁.
- (51) Nguyên văn: 宋敕或用之於獎諭，非敕初意。明制，差遣諸臣，... 六品以下官贈封稱敕命，... *Chính tự thông* là cuốn loại thư văn tự do Trương Tự Liệt soạn cuối niên hiệu Sùng Trinh nhà Minh. Sách sau được *Khang Hy tự điển* tham khảo. [漢語大詞典編纂處(整理). 2002. <康熙字典>. 上海:標點整理本。漢語大詞典出版社. P.418].
- (52) 國史編纂委員會編. <朝鮮王朝實錄> (Triều Tiên vương triều thực lục). [서울特別市]: 國史編纂委員會: 東國文化社, 檀紀 4288-4291 [1955-1958]. P1-2, 12, 179, 127.
- (53) Nguyên văn: 五品以上授誥命，六品以下授敕命。/公侯伯及一品至五品誥命、六品至九品敕命 (清)張廷玉等撰. 1665 - 1739. 《明史》(Minh sử). [底本：清武英殿本]. 楊家駱主編. 臺北市：鼎文書局, 民 69 [1980]. P.1736, 1807.

- (54) Nguyên văn: “西域僧大寶法王來朝，帝將刻玉印賜之，以璞示淮。淮曰：「朝廷賜諸番制敕，用『敕命』、『廣運』二寶。今此玉較大，非所以示遠人、尊朝廷。」帝嘉納。” (清) 張廷玉等撰。1665 - 1739. 《明史》 (Minh sử). [底本：清武英殿本]. 楊家駱主編. 臺北市：鼎文書局, 民 69 [1980]. P.4124.
- (55) Thùy Vinh. 2001. “Tìm thấy hai đạo sắc thời Hồng Đức”. TC *Hán Nôm*, số 2 (47), tr. 58-66. Hiện cũng có ý kiến trái chiều về niên đại và văn bản của các sắc này. Tuy nhiên, chưa có công bố chính thức, nên chúng tôi vẫn theo kết quả khảo sát, nghiên cứu của Thùy Vinh.
- (56) Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, mục “Những phong tài liệu bằng chữ Hán - Nôm” do Cục Lưu trữ Nhà nước xuất bản năm 1989. [Chuyển dẫn Thùy Vinh, 2001].
- (57) Nguyễn Công Việt. 2005. *Ấn chương Việt Nam từ thế kỷ XV đến cuối thế kỷ XIX*. (Chương: Ấn chương Việt Nam thời Mạc). Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- (58) Cung Khắc Lược, Chu Quang Trứ. 1995. “Về đạo sắc “Tử Dương thần từ” sớm nhất hiện còn”. TC *Hán Nôm*, số 1 (22), tr. 73-75.
- (59) Lê Xuân Quang. 1998. “Ấn tín và chính sách phong sắc thần linh độc đáo thời Nguyễn Tây Sơn”. *Thông báo Hán Nôm học 1998*. Nxb KHXH, tr. 247-249.
- (60) Xem và khảo sát thêm Bảo tàng Hà Tĩnh. 2013. *Sắc phong Hà Tĩnh* (tập 1). Biên dịch: Đinh Khắc Thuân, Phạm Văn Tuấn, Nguyễn Kim Măng, Vương Thị Hường, Phạm Văn Đức, Nguyễn Hương Lan. Hà Tĩnh. Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Hưng Yên. 2010. *Sắc phong trên địa bàn tỉnh Hưng Yên* (4 tập). Vương Thị Hường dịch. Hưng Yên.
- (61) Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I. 2013. *Ấn chương trên châu bản triều Nguyễn*. Nguyễn Thị Thu Hường, Đoàn Thị Thu Thủy, Nguyễn Công Việt biên soạn. Hà Nội, Nxb Hà Nội. Bộ Ngoại giao - Ủy ban Biên giới Quốc gia. 2013. *Tuyển tập các châu bản triều Nguyễn về thực thi chủ quyền của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*. Hà Nội, Nxb Tri thức. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I. 2016. *Ngự phê trên châu bản triều Nguyễn (1802 - 1945)*. Hà Văn Huê (Chủ biên), Đoàn Thị Thu Thủy, Nguyễn Thị Thu Hường, Nguyễn Thị Thảo (Biên soạn). Đinh Thanh Hiếu (Hiệu đính). Hà Nội, Nxb Đại học Sư phạm.
- (62) Lê Liêm. “Đạo sắc phong và tấm lệnh chỉ tại nhà thờ Tiền sĩ Phí Đăng Nhậm”. *Thông báo Hán Nôm học 2005*. Nxb KHXH, Hà Nội, tr. 398- 400.
- (63) Sử liệu 3 đã dẫn trong ĐVSKTT. Do chưa tìm được hiện vật, nên mục này chưa rõ có khả năng thực thi bảo tỷ SMCB đến đâu. Tạm đặt dấu hoa thị \* coi như khả năng có thể xảy ra về mặt lý thuyết. Chờ sau này tiếp tục sưu tầm. Xin lưu ý, về mặt hiện vật SMCB thời Lê sơ, có hai ấn SMCB. Một cái làm bằng kim loại, mang tính biểu tượng; và một cái làm bằng ngà để sử dụng trong thực tế.
- (64) Xem thêm sự ảnh hưởng mô hình nhà nước giữa Việt Nam và Trung Hoa: Woodside, Alexander B. (1971): *Vietnam and the Chinese Model: A Comparative Study of Nguyen and Ch'ing Civil Government in the First half of the Nineteenth Century*. Cambridge. Mass: Havard University Press.

## TÓM TẮT

Hiện vật bằng gỗ mang dòng chữ “Sắc mệnh chi bảo” khai quật được ở Hoàng thành Thăng Long năm 2013 là một hiện vật khảo cổ được giới khoa học và xã hội quan tâm trong khoảng thời gian gần đây. Đã có nhiều ý kiến khác nhau trong việc nghiên cứu và giám định cổ vật này, trong đó có ý kiến cho rằng đây là chiếc ấn thời Trần. Bài viết này đề xuất khái niệm “độ

tự của sử liệu” để nhận định về niên đại văn hóa của hiện vật đang xét, tức là nghiên cứu hiện vật này từ nhiều nguồn sử liệu khác nhau (bao gồm hiện vật khảo cổ và tư liệu chữ viết) ở góc độ liên ngành. Về mặt lý thuyết, khi “độ tự của sử liệu” càng cao thì giả thuyết càng thuyết phục.

Kết quả khảo cứu của bài viết cho thấy độ tự của các sử liệu đều tập trung cho giả thuyết: loại ấn triện SMCB và chế độ “Sắc mệnh” là một sản phẩm văn hóa vùng, là sản phẩm của chế độ chính trị ở khu vực Đông Á. Chế độ này nhằm thể hiện quyền lực của bậc đế vương qua hình thức thăng thưởng cho quan lại và thăng trật cho hệ thống bách thần (đặc biệt ở Việt Nam). Nó khởi đầu từ năm 1368 ở Trung Quốc, sau đó ảnh hưởng đến Đại Việt năm 1435 và đến Triều Tiên năm 1479. Do vậy mà ít có khả năng, hiện vật *Sắc mệnh chi bảo* phát hiện tại Hoàng thành Thăng Long là chiếc ấn thời Trần.

## ABSTRACT

### THE STUDY OF HISTORY, FUNCTION OF THE SEAL “SẮC MỆNH CHI BẢO” (from the convergence of historical documents)

Recently, researchers have taken interest in the wooden seal “Sắc mệnh chi bảo” unearthed in Thăng Long Imperial Citadel in 2013. There are various opinions during the study and survey of that artifact, including the one confirmed that it was the seal of the Trần Dynasty. This article proposes the concept of “convergence of historical documents” to determine the cultural chronology of an examined object, id est to study the artifact from various sources (including archaeological artifacts and written documents) under disciplinary angles. Theoretically, the higher “convergence of historical documents” gets, the more convincing the theory is.

The research results of the article show that the convergence of historical documents centers on the hypothesis that the type of “Sắc mệnh chi bảo” seal and the “royal decree” form were products of the political regimes in East Asia to manifest the power of emperors through the conferment of higher ranks of mandarins as well as gods (especially in Vietnam). It began in 1368 in China, then spread to Đại Việt in 1435 and arrived in Korea in 1479. Therefore, it is unlikely that the object discovered in Thăng Long Imperial Citadel was a seal under the Trần Dynasty.

## ĐÍNH CHÍNH

Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển số 6 (132) . 2016, bài “Họ Nguyễn Đức lục chi: “Nguồn lớn - Dòng mạnh”” của tác giả Phạm Quang Ái, trang 107, dòng 9, dưới lên, đã in: “Khai tất tiêu 開必霄” (Mở ra ắt xán lạn); xin sửa lại: “**Hữu khai tất tiên 有開必先**” (**Mở ra ắt phải do người khởi đầu**). Trang 111, dòng 13, dưới lên: đã in Responsible; xin sửa lại: **Responsible**.

Xin chân thành cáo lỗi cùng tác giả và bạn đọc.

**Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển**